TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 408/2023/HC-PT
Ngày: 14 - 6 - 2023
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Cầu

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tửu

Ông Mai Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai trực tuyến vụ án hành chính thụ lý số: 841/2022/TLPT-HC ngày 06 tháng 12 năm 2022 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai".

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 27/2022/HC-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 335/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện*: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T1, huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1953 (có mặt)

Địa chỉ: Số 96 đường N, khu phố x1, Phường x4, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

- *Người bị kiện*: Uỷ ban nhân dân huyện D

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Văn U – Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện D (xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Nguyễn Thiện H2 – Phó giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện D (có mặt).

- *Người kháng cáo*: Người khởi kiện ông Nguyễn Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung của ông Nguyễn Văn T và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của ông T là ông Nguyễn Văn T1 trình bày:

Đất ông Nguyễn Văn T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 102, diện tích 1.449m^2, trong đó: {đất ở nông thôn (ONT)= 1.100m^2, cây lâu năm (CLN) = 349m^2}, thửa 103 diện tích 1.210m^2 {đất ở nông thôn (ONT) = 100m^2, cây lâu năm (CLN) = 1110m^2} và thửa 159, diện tích 7.738m^2 loại đất lúa. Nguồn gốc đất này do cha ông là cụ Nguyễn Văn D (đã chết năm 2007) để lại cho ông, đất có mặt tiền hướng Tây giáp Tỉnh lộ ĐT 784.

Thực hiện chủ trương mở rộng đường ĐT 784, Uỷ ban nhân dân huyện D ban hành Quyết định số 374/QĐ-UBND ngày 06/4/2021 (được điều chỉnh bằng Quyết định số 1948/QĐ-UBND ngày 24/6/2021, về việc: Thu hồi diện tích 374,8m^2 của ông T tại thửa 102, 103, 3297), đồng thời ban hành Quyết định số 909/QĐ-UBND ngày 08/4/2021 (được điều chỉnh bằng Quyết định số 1976/QĐ-UBND ngày 30/6/2021, về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ cho ông T); trong đó: bồi thường về đất theo giá đất nông nghiệp là 540.000 đồng/m^2 x 374,8m^2 = 202.000.000 đồng, trong khi đất ông bị thu hồi là đất ở có giá là 4.008.000 đồng/m^2 theo quy định tại Quyết định số 1704/QĐ-UBND ngày 07/8/2020, của Uỷ ban nhân dân tỉnh Tây Ninh, về phê duyệt giá đất cụ thể để bồi thường đất thực hiện dự án: Nâng cấp mở rộng đường ĐT 782-784 đoạn từ ngã ba tuyến tránh Quốc lộ 22 đến Ngã tư T3 (khu vực có đất của ông bị thu hồi). Ngoài ra, trong quá trình sử dụng, do đất này thường xuyên bị ngập nước nên ông có lắp đặt 50 ống cống đường kính 01m để thoát nước, tổng số tiền 50.000.000 đồng nhưng chỉ được bồi thường 8.000.000 đồng, trên đất bị thu hồi ông đã san lấp 1.686,6m^3 đất nền nhưng chưa được xem xét bồi thường. Hiện mặt bằng đất ông đã giao để thi công, tiền bồi thường ông đã nhận.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy toàn bộ các Quyết định số 1948/QĐ-UBND ngày 24/6/2021 và Quyết định số 1976/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 của Uỷ ban nhân dân huyện D. Buộc Uỷ ban nhân dân huyện D phải thực hiện hành vi hành chính ra quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất đúng mục đích sử dụng đất, rõ vị trí đất của ông T bị thu hồi, đối với loại đất ở trong thửa 102, 103, áp dụng đúng giá loại đất ở nông thôn theo Quyết định số 1704/QĐ-UBND ngày 07/8/2020 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đồng thời, yêu cầu bồi thường tiền 50 ống cống và chi phí lắp đặt là

50.000.000 đồng và tiền đổ đất nền san lắp mặt bằng trên đất bị thu hồi là 337.320.000 đồng.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện ông Đặng Thủ T4 trình bày:

Thực hiện Quyết định số 2557/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Tây Ninh, về phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình đường công trình: Nâng cấp mở rộng đường ĐT 782-784 (từ Ngã ba tuyến tránh Quốc lộ 22 đến Ngã tư T3); Ngày 13/3/2019, Uỷ ban nhân dân huyện ban hành Thông báo 28/TB-UBND về chủ trương, hỗ trợ thực hiện dự án, nâng cấp, mở rộng ĐT 782, 784 (từ Ngã ba tuyến tránh Quốc lộ 22 đến Ngã tư T3). Theo Biên bản số 402/BB-UBND ngày 27/11/2018 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Tây Ninh, thống nhất hiện trạng đường ĐT 784 là 16m (từ tim đường hiện trạng ra mỗi bên 08m) không bồi thường, diện tích ngoài phạm vi trên được bồi thường theo quy định. Đối với phần diện tích thuộc phần lộ giới quy hoạch giao thông, không nằm trong ranh giới được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn được bồi thường là đất nông nghiệp ven đường (đất trồng cây lâu năm) theo chủ trương của Uỷ ban nhân dân tỉnh.

Ngày 04/10/2019, Uỷ ban nhân dân huyện D ban hành Thông báo số 554/TB-UBND về thu hồi đất thực hiện dự án nâng cấp mở rộng đường ĐT 782-784, đối với ông Nguyễn Văn T, loại đất dự kiến thu hồi là đất trồng lúa, còn lại là cây lâu năm. Ngày 08/3/2021, Uỷ ban nhân dân huyện D có Thông báo số 52a và Thông báo số 456/TB-UBND ngày 24/6/2021 về thu hồi từng loại đất là diện tích dự kiến thu hồi trước khi thực hiện công tác điều tra, kiểm đếm hiện trạng.

Kết quả đo đạc, cắm mốc, kiểm tra, kiểm đếm về tài sản trên đất trong phạm vi diện tích đất thu hồi thực hiện dự án của hộ ông Nguyễn Văn T, xác định diện tích 374,8m^2 thu hồi nằm ngoài phạm vi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (loại đất nông nghiệp ven đường).

Ngày 06/4/2021, Uỷ ban nhân dân huyện D ban hành Quyết định số 374/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích 374,8m^2 của ông tại thửa 102, 103, 3297 của ông Nguyễn Văn T và bà Đặng Thị K (vợ ông T) và ban hành Quyết định số 909/QĐ-UBND ngày 08/4/2021, về phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ cho ông T, bà K. Sau khi kiểm tra xác định đất này là tài sản riêng ông T nên ban hành Quyết định số 1948/QĐ-UBND ngày 24/6/2021, về việc thu hồi diện tích 374,8m^2 của ông T thay thế Quyết định số 374/QĐ-UBND và Quyết định số 1976/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 thay thế Quyết định số 909/QĐ-UBND ngày 08/4/2021, về phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ cho ông T. Cụ thể: Bồi thường về đất 374,8m^2 là 202.392.000 đồng, công trình phụ trên đất 39.493.112 đồng, hoa màu 3.940.000 đồng, tổng cộng 245.825.112 đồng.

Đối với ống cống của ông T lắp đặt trên kênh tiêu (cặp kênh N 4-12) xã Truông Mít thuộc phạm vi lộ giới giao thông không được bồi thường về đất, do đó Uỷ ban nhân dân huyện phê duyệt hỗ trợ di dời tài sản bằng 80% theo Quyết

định số 58/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Tây Ninh, ban hành bồi thường đơn giá nhà, vật kiến trúc... trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Đối với số đất nền, do ông T tự san lấp thuộc quy hoạch lộ giới giao thông 31m theo Quyết định 150/QĐ-UBND ngày 15/4/1993 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Tây Ninh nếu ông T có nhu cầu lấy lại phần đất này thì liên hệ UBND xã để móc lên lấy lại.

Do đó, Uỷ ban nhân dân huyện D không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, giữ nguyên Quyết định số 1948/QĐ-UBND ngày 24/6/2021 và Quyết định số 1976/QĐ-UBND ngày 30/6/2021.

Tại phiên đối thoại ngày 23/8/2022, ông T trình bày: Về tiền bồi thường ống cống và tiền đất nền ông đã san lấp ông không yêu cầu giải quyết trong vụ án này và rút yêu cầu.

Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 30/8/2022, ông T trình bày đối với thửa 3297 (được tách trong thửa 159), diện tích 177,5m^2, ông đồng ý giá đất nông nghiệp mà Uỷ ban nhân dân huyện bồi thường cho ông nên rút yêu cầu này.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 27/2022/HC-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã quyết định như sau:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T đối với yêu cầu hủy một phần Quyết định số 1948/QĐ-UBND ngày 24/6/2021 của Uỷ ban nhân dân huyện D về việc: Thu hồi diện tích 177,5m^2, tại thửa 3297, tờ bản đồ số 04 và một phần Quyết định số 1976/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 của Uỷ ban nhân dân huyện D về phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ cho ông T về đất diện tích 177,5m^2, tại thửa 3297, tờ bản đồ số 04.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về yêu cầu Uỷ ban nhân dân huyện D bồi thường tiền lắp đặt ống cống trên kênh tiêu 50.000.000 đồng và tiền đất nền ông T đã san lấp trên phần đất bị thu hồi là 337.320.000 đồng.

3. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về yêu cầu hủy Quyết định số 1948/QĐ-UBND ngày 24/6/2021 về điều chỉnh Quyết định số 374/QĐ-UBND ngày 06/4/2021 về việc: Thu hồi diện tích 374,8m^2 của ông Nguyễn Văn T tại thửa 102, 103, 3297 và Quyết định số 1976/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 về điều chỉnh Quyết định số 909/QĐ-UBND ngày 08/4/2021 về phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Văn T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/10/2022 người khởi kiện ông Nguyễn Văn T kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn T (có ông Nguyễn Văn T1 là

đại diện theo ủy quyền) vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T. Người bị kiện xin xét xử vắng mặt.

Trong phần tranh luận:

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, vì: Diện tích đất ông T bị thu hồi nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông T. Theo sơ đồ thì thửa đất bị thu hồi là nằm ở vị trí giáp đường, nên lộ giới tính từ tim đường vào 3m. Trong sơ đồ để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T không có con kênh nên đây không phải là đất thủy lợi. Do xác định sai loại đất nên Uỷ ban nhân dân đã tính bồi thường cho ông T theo giá đất nông nghiệp, không bồi thường chi phí đầu tư vào đất là không đúng quy định tại Nghị định 47/2014/NĐ-CP. Ngoài ra, đề nghị Uỷ ban nhân dân trả lại phần diện tích đất ông T đã san lắp, hoặc đền bù chi phí này theo quy định pháp luật.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị kiện phát biểu: Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện phần đất bị thu hồi nằm ngoài diện tích ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó có phần diện tích là con kênh nhưng người dân đã tự san lấp. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Vụ án từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý đến khi xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Việc thu hồi đất là để thực hiện dự án công cộng. Theo sơ đồ thửa đất thì phần đất ông T bị thu hồi có con kênh và nằm trong hành lang lộ giới. Theo trích lục bản đồ thu hồi đất để phục vụ việc bồi thường thể hiện diện tích đất bị thu hồi không nằm trong diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T. Văn bản của chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai cũng xác định nội dung này. Ông T yêu cầu trả lại diện tích đất san lấp càng chứng minh ông T đã san lấp con kênh. Thực tế sau khi thu hồi thì diện tích cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T vẫn không giảm, nên việc bồi thường hỗ trợ của Uỷ ban nhân dân là có căn cứ. Bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, người khởi kiện có kháng cáo nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính tiến hành xét xử vụ án.

[2] Thực hiện chủ trương mở rộng đường ĐT 784, ngày 06/4/2021, Uỷ ban nhân dân huyện D ban hành Quyết định số 374/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích 374,8m^2 của ông tại thửa 102, 103, 3297 của ông Nguyễn Văn T và bà Đặng Thị K (vợ ông T); Và Quyết định số 909/QĐ-UBND ngày 08/4/2021, về phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ cho ông T, bà K. Sau khi kiểm tra xác định đất này là tài sản riêng ông T nên ban hành Quyết định số 1948/QĐ-UBND ngày 24/6/2021, về việc thu hồi diện tích 374,8m^2 của ông T thay thế Quyết định số 374/QĐ-UBND và Quyết định số 1976/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 thay thế Quyết định số 909/QĐ-UBND ngày 08/4/2021, về phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ cho ông T trong đó: Bồi thường về đất giá 540.000 đồng/m^2 theo giá đất nông nghiệp x 374,8 m^2 = 202.000.000 đồng.

Không đồng ý với việc áp giá bồi thường của Uỷ ban nhân dân huyện D, ông T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 1948/QĐ-UBND ngày 24/6/2021 và Quyết định số 1976/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 của Uỷ ban nhân dân huyện D, yêu cầu thực hiện lại việc thu hồi và bồi thường đất theo giá giá đất ở là 4.008.000 đồng/m^2.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện:

[3.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành: Uỷ ban nhân dân huyện D ban hành Quyết định 1948/QĐ-UBND ngày 06/4/2021 thu hồi diện tích 374,8m^2 tại thửa 102, 103, 3297 tờ bản đồ số 4; Và Quyết định 1976/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 bồi thường, hỗ trợ cho ông T khi thu hồi đất là đúng quy định tại Điều 62, 69 Luật đất đai năm 2013.

[3.2] Về nội dung:

- Nguồn gốc phần đất ông T đang quản lý sử dụng là của cụ D (cha ông T) được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1993, thời điểm đó: Thửa đất 102, diện tích 2.275m^2 được ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đất (TC) thổ cư (trong khi pháp luật thời điểm đó chỉ cho phép hộ gia đình ở nông thôn được cấp 400^2 đất thổ cư); Thửa 103, diện tích 580 m^2 loại đất chưa sử dụng (Hg). Năm 2006, cụ D tặng cho ông T. Căn cứ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T thì thửa 102 được cấp lại cho ông T diện tích chỉ còn 1.449m^2 trong đó: {đất ở nông thôn (ONT = 1.100m^2, cây lâu năm (CLN) = 349m^2}, thửa 103, diện tích 1.210 m^2 {đất ở nông thôn (ONT) = 100m^2, cây lâu năm (CLN)= 1.110m^2}. Tại hồ sơ xin chuyển mục đích thửa 103 thì tại Điều 1 Quyết định 1572/QĐ-UBND ngày 07/12/2011 của Uỷ ban nhân dân huyện D đã đồng ý cho ông T chuyển mục đích diện tích 100m^2 cách tim đường 784 là 22,5m (có trích lục bản đồ kèm theo) trong phần từ tim đường vô 22,5m, lộ giới có con kênh tiêu và lưu không kênh, thửa 102 vị trí như thửa 103.

- Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ về diện tích bị thu hồi thể hiện:

Thửa 102, 103, tờ bản đồ số 04 (thửa theo bản đồ dự án 225), chiều dài đo cách mép đường 784 vô 8,04m, chiều ngang 55,54m, diện tích 446,7m^2, trong đó có diện tích 267m^2 nằm trong lộ giới được bồi thường theo theo loại "đất nông nghiệp ven đường" với giá 540.000 đồng/m^2. Đối với diện tích 179,7m^2 là đất kênh thủy lợi không được bồi thường.

Thửa 3297, tờ bản đồ số 04 (thửa theo bản đồ dự án 230), chiều dài cách mép đường 784 vô là 8,04m, chiều ngang 22,20m, diện tích 177,5m^2 trong đó có diện tích 107,8m^2 nằm trong lộ giới được bồi thường theo loại "đất nông nghiệp ven đường" với giá 540.000 đồng/m^2. Đối với diện tích 69,7m^2 là đất kênh thủy lợi không được bồi thường.

Vậy, phần đất thu hồi của ông T đo từ mép đường vô tới phần cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T 8,04m x chiều ngang 55,54m, diện tích 446,7m^2 đây là phần đất lộ giới không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T (lộ giới) nhưng vẫn được Uỷ ban nhân dân huyện bồi thường diện tích là 267m^2 theo giá đất nông nghiệp ven đường, phần đất kênh tiêu 179,7m^2 là đất thuộc nhà nước quản lý không được bồi thường. Do đó, Uỷ ban nhân dân huyện D ban hành Quyết định số 1976/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ cho ông về đất giá 540.000 đồng/m^2 là đúng quy định của pháp luật, phù hợp theo Quyết định 150/QĐ-UBND ngày 15/4/1993 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Tây Ninh quy định về mốc lộ giới và Biên bản số 402/BB-UBND ngày 27/11/2018 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Tây Ninh thống nhất hiện trạng đường ĐT 784 là 16m (từ tim đường hiện trạng ra mỗi bên 08m).

- Người khởi kiện cho rằng thửa 102, 103 của cụ D (cha ông T) năm 1993 được cấp đất thổ cư, sau khi cấp lại cho ông T Nhà nước chưa bồi thường nên phần đất bị thu hồi vẫn thuộc đất thổ cư và yêu cầu Uỷ ban nhân dân huyện D áp giá bồi thường đất bị thu hồi theo giá đất ở là 4.008.000 đồng/m^2 là không có căn cứ chấp nhận, bởi: Sau khi được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 102 (năm 2006) và thửa 103 (sau khi chuyển mục đích kèm theo Quyết định số 1572/QĐ-UBND ngày 07/12/2011 của Uỷ ban nhân dân huyện D và trích lục bản đồ) thể hiện rõ diện tích phần lộ giới không được cấp giấy, ông T không thắc mắc khiếu nại gì về loại đất được cấp.

Từ những nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ.

[3] Về yêu cầu khởi kiện đối với Quyết định số 1948/QĐ-UBND ngày 24/6/2021, đối với thửa 3297 và một phần Quyết định số 1976/QĐ-UBND ngày 30/6/2021, về áp giá bồi thường đối với thửa đất 3297, diện tích 107,8m^2; Yêu cầu bồi thường ống cống và tiền đất nền ông T đã san lấp trên phần đất bị thu hồi để ông và Uỷ ban nhân dân huyện thương lượng móc đất nền lấy lại thì người khởi kiện đã rút lại các yêu cầu này, nên Tòa án cấp sơ thẩm quyết định đình chỉ giải quyết là đúng quy định pháp luật.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ. Người khởi kiện có kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Án phí hành chính phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn T phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính,

I. Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn T; Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 27/2022/HC-ST ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh

Áp dụng Điều 62, 66, khoản 3 Điều 69 của Luật Đất đai và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T đối với yêu cầu hủy một phần Quyết định số 1948/QĐ-UBND ngày 24/6/2021 của Uỷ ban nhân dân huyện D về việc: Thu hồi diện tích 177,5m^2, tại thửa 3297, tờ bản đồ số 04 và một phần Quyết định số 1976/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 của Uỷ ban nhân dân huyện D về phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ cho ông T về đất diện tích 177,5m^2, tại thửa 3297, tờ bản đồ số 04.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về yêu cầu Uỷ ban nhân dân huyện D bồi thường tiền lắp đặt ống cống trên kênh tiêu 50.000.000 đồng và tiền đất nền ông T đã san lấp trên phần đất bị thu hồi là 337.320.000 đồng.

3. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về yêu cầu hủy Quyết định số 1948/QĐ-UBND ngày 24/6/2021 về điều chỉnh Quyết định số 374/QĐ-UBND ngày 06/4/2021 về việc: Thu hồi diện tích 374,8m^2 của ông Nguyễn Văn T tại thửa 102, 103, 3297 và Quyết định số 1976/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 về điều chỉnh Quyết định số 909/QĐ-UBND ngày 08/4/2021 về phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Văn T.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

II. Án phí hành chính phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000410 ngày 17/10/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Cục THADS tỉnh Tây Ninh;
- NKK (1);
- NBK (1);
- Lưu (10) 17b (Án TTKY).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Huy Cầu